



qí bīng
奇兵

noun · surprise troops; unexpected tactic

Example Sentences

Zhè zhī qí bīng dǎ luàn le dí rén de jì huà
这支奇兵打乱了敌人的计划。

This surprise troop disrupted the enemy's plan.

Tā zài bǐ sài zhōng pài chū le qí bīng yíng dé le shèng lì
他在比赛中派出了奇兵，赢得了胜利。

He deployed an unexpected tactic in the match and won.

Trace each character, then write the word on your own.

奇	奇	奇	奇	奇	奇	奇	奇	奇	奇
兵	兵	兵	兵	兵	兵	兵	兵	兵	兵